



Số: 62/BC-BTP

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO**Công tác bồi thường nhà nước năm 2024,
nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp năm 2025**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định tại các Điều 73, 74 và 75 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Luật TNBTCNN), Điều 35 của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN, trên cơ sở tổng hợp báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC), Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC), các Bộ, ngành và 63 Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh¹, Bộ Tư pháp báo cáo kết quả công tác bồi thường nhà nước năm 2024 với những nội dung sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC NĂM 2024**1. Tình hình thụ lý yêu cầu bồi thường, kết quả giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả****1.1. Tình hình thụ lý yêu cầu bồi thường, kết quả giải quyết bồi thường**

Tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, các cơ quan giải quyết bồi thường trên cả nước đã thụ lý giải quyết tổng số 65 vụ việc² (giảm 27 vụ việc so với năm 2023), trong đó thụ lý mới 24 vụ việc, từ kỳ trước chuyển sang 41 vụ việc.

Số vụ việc có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật và đình chỉ là 32/65 vụ việc đạt tỉ lệ 49,2% (giảm 4,8% so với năm 2023); tổng số tiền Nhà nước phải bồi thường là 14 tỷ 901 triệu 328 nghìn đồng theo các văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật, đã chi trả số tiền bồi thường là 9 tỷ 338 triệu 783 nghìn đồng. Còn 33 vụ việc đang được tiếp tục giải quyết (chiếm tỉ lệ 50,8%). Kết quả giải quyết bồi thường trong từng lĩnh vực cụ thể như sau:

- Trong hoạt động quản lý hành chính, các cơ quan giải quyết bồi thường thụ lý, giải quyết 27 vụ việc³ (thụ lý mới 13 vụ việc), số vụ việc có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật và đình chỉ là 14/27 vụ việc, đạt tỷ lệ 51,9% (giảm 8,1% so với năm 2023) với số tiền Nhà nước phải bồi thường theo

¹ Hiện nay, Bộ chưa nhận được báo cáo của 6 cơ quan gồm: Bộ Lao động – Thương binh xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên môi trường, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

² Trong đó có 07 vụ việc thụ lý, giải quyết theo Luật TNBTCNN năm 2009 và 59 vụ việc thụ lý, giải quyết theo Luật TNBTCNN năm 2017. Theo Báo cáo 130/BC-BTP ngày 14/3/2023 của Bộ Tư pháp báo cáo công tác bồi thường năm 2023 là 92 vụ việc.

³ 24 vụ việc thụ lý, giải quyết theo Luật TNBTCNN năm 2017; 03 vụ việc thụ lý, giải quyết theo Luật TNBTCNN năm 2009.

các văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật là 6 tỷ 262 triệu 360 nghìn đồng, còn 13 vụ việc đang được tiếp tục giải quyết.

- Trong hoạt động tố tụng, các cơ quan tố tụng thụ lý, giải quyết 18 vụ việc⁴ (thụ lý mới 06 vụ việc), số vụ việc có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật và đình chỉ là 09/18 vụ việc, đạt tỷ lệ 50% (giảm 2% so với năm 2023) với tổng số tiền bồi thường trên văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật là 8 tỷ 096 triệu 405 nghìn đồng, còn 09 vụ việc đang được giải quyết. Cụ thể:

+ Trong hoạt động tố tụng hình sự: Tòa án nhân dân (TAND) các cấp thụ lý, giải quyết 03 vụ việc (không có vụ việc phát sinh mới), trong đó 02/03 vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật với số tiền bồi thường là 3 tỷ 698 triệu 110 nghìn đồng, còn 01/03 vụ việc đang giải quyết⁵; Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) các cấp thụ lý giải quyết 08 vụ việc (thụ lý mới 04 vụ việc), vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật là 06/08 vụ việc với tổng số tiền phải bồi thường là 4 tỷ 398 triệu 295 nghìn đồng, còn 02/08 vụ việc đang được giải quyết⁶; cơ quan Công an các cấp thụ lý, giải quyết 05 vụ việc (không có vụ việc phát sinh mới), đang giải quyết 05/05 vụ việc⁷.

+ Trong hoạt động tố tụng dân sự: các cơ quan giải quyết bồi thường thụ lý, giải quyết mới 01 vụ việc, trong đó đình chỉ 01/01 vụ việc.

+ Trong hoạt động tố tụng hành chính: các cơ quan giải quyết bồi thường thụ lý, giải quyết mới 01 vụ việc, trong đó đang giải quyết 01/01 vụ việc.

- Trong hoạt động thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự các cấp thụ lý giải quyết 20 vụ việc⁸ (thụ lý mới 05 vụ việc), vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật và đình chỉ là 09/20 vụ việc, đạt tỷ lệ 45% (giảm 5% so với năm 2023) với tổng số tiền phải bồi thường là 493 triệu 733 nghìn đồng, số tiền đã chi trả là 129 triệu 480 nghìn đồng, còn 11 vụ việc đang được giải quyết. Trong hoạt động thi hành án hình sự không phát sinh vụ việc yêu cầu bồi thường.

1.2. Cấp phát kinh phí và chi trả tiền bồi thường

Trong năm 2024, việc cấp phát kinh phí được Bộ Tài chính, Sở Tài chính thực hiện cấp phát kinh phí cho các cơ quan giải quyết bồi thường đối với các vụ việc có đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phát kinh phí theo quy định.

⁴ 18 vụ việc thụ lý, giải quyết theo Luật TNBTCNN năm 2017; 00 vụ việc thụ lý, giải quyết theo Luật TNBTCNN năm 2009.

⁵ Vụ việc của ông Nguyễn Hồng Cầu ở Hải Phòng.

⁶ Vụ việc của ông Lê Trường, bà Tôn Nữ Kim Loan ở Đắk Nông; vụ việc của bà Trần Thị Thuận ở Thành phố Hồ Chí Minh.

⁷ Vụ việc của ông Nguyễn Đức Bình, ông Lê Huy Tuấn, ông Lê Xuân Thắng, ông Nguyễn Văn Giang, ông Lê Xuân Duẩn ở Đồng Nai.

⁸ 16 vụ việc thụ lý, giải quyết theo Luật TNBTCNN năm 2017; 04 vụ việc thụ lý, giải quyết theo Luật TNBTCNN năm 2009.

Bộ Tài chính đã bố trí trong dự toán của TANDTC, Bộ Tư pháp mỗi đơn vị là 10 tỷ đồng và VKSNDTC là 12 tỷ 800 triệu⁹ để chủ động thực hiện bồi thường năm 2024.

Trên cơ sở cấp phát kinh phí của Bộ Tài chính và Sở Tài chính, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại đã chi trả 9 tỷ 338 triệu 783 nghìn đồng trên tổng số tiền bồi thường trên các văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật là 11 tỷ 506 triệu 967 nghìn đồng.

1.3. Xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại

Việc xem xét trách nhiệm hoàn trả đang thực hiện đối với 29 vụ việc (16 việc trong hoạt động quản lý hành chính, 09 việc trong hoạt động tố tụng hình sự, 01 việc trong hoạt động tố tụng dân sự, 03 việc trong hoạt động thi hành án dân sự). Trong đó, 08 vụ việc đã xem xét trách nhiệm hoàn trả với tổng số tiền người thi hành công vụ gây thiệt hại phải hoàn trả là 694 triệu 716 nghìn đồng (giảm 316 triệu 413 nghìn đồng so với năm 2023), đã thực hiện hoàn trả 204 triệu 308 nghìn đồng (đều trong hoạt động quản lý hành chính); 01 vụ việc không xem xét trách nhiệm hoàn trả do người thi hành công vụ chết trước khi ra quyết định hoàn trả và 20 vụ việc đang xem xét trách nhiệm hoàn trả.

2. Kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước

2.1. Về xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác bồi thường nhà nước

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng của Bộ Tư pháp¹⁰, Chương trình hành động của ngành Tư pháp thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024¹¹ và nhiệm vụ cụ thể tại Báo cáo số 01/BC-BTP ngày 01/01/2024 của Bộ Tư pháp tổng kết công tác tư pháp năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác năm 2024, ngày 29/12/2023, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 3121/QĐ-BTP về kế hoạch thực hiện công tác bồi thường nhà nước năm 2024. Kế hoạch đã bảo đảm thống nhất thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước, phát huy vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong việc tăng cường phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cũng như bảo đảm sự chủ động đánh giá

⁹ Báo cáo số 379/BC-BTC ngày 24/12/2024 của Bộ Tài chính.

¹⁰ Quyết định số 113/QĐ-BTP ngày 7/7/2021 của Bộ Tư pháp về triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Trong đó, xác định nhiệm vụ trọng tâm là “Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác bồi thường nhà nước. Tiếp tục tổ chức thi hành hiệu quả Luật TNBTCNN năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân cũng như lợi ích của Nhà nước; Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền trong tình hình mới theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng” và nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn 2021-2025 là “Nâng cao năng lực, đổi mới hình thức, phương pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường đáp ứng yêu cầu bảo đảm quyền con người, quyền công dân”.

¹¹ Ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-BTP ngày 18/01/2024 của Bộ Tư pháp

tổng kết, nghiên cứu giải pháp hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành hiệu quả pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã có văn bản đề nghị TANDTC, VKSNDTC và các Bộ, ngành và UBND cấp tỉnh tiếp tục quan tâm, phối hợp chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường nhà nước, tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường nhà nước năm 2024 của cơ quan, ngành, địa phương mình¹².

Thực hiện văn bản của Bộ Tư pháp về triển khai các nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường nhà nước năm 2024, một số bộ và 63/63 địa phương đã chủ động ban hành Kế hoạch riêng để thực hiện công tác bồi thường nhà nước và ban hành văn bản triển khai nhiệm vụ trọng tâm về công tác bồi thường nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương mình quản lý. Tại địa phương, trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, các sở, ngành, UBND các huyện đã ban hành kế hoạch tổ chức triển khai công tác bồi thường nhà nước bảo đảm toàn diện, đúng tiến độ.

2.2. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

Trên cơ sở kết quả Báo cáo đánh giá kết quả 05 năm thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, để hoàn thiện hệ thống pháp luật về TNBTCNN, Bộ đã tổ chức “Tọa đàm lấy ý kiến góp ý đề xuất hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước” tại 03 tỉnh, thành phố¹³ và xây dựng sách Pháp luật về TNBTCNN ở Việt Nam. Bộ đã ban hành Kế hoạch xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN kèm theo Quyết định số 1821/QĐ-BTP ngày 02/10/2024 và Quyết định số 2113/QĐ-BTP ngày 08/11/2024 thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Hiện nay, việc xây dựng dự thảo Nghị định đang được thực hiện theo đúng quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đối với, 03 Thông tư¹⁴, Bộ đang dự kiến các nội dung cần sửa đổi, bổ sung đối với các văn bản này.

2.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Bộ đã xây dựng Bộ tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TNBTCNN; đăng 05 tin, bài giải đáp pháp luật, 03 bài phản ánh, tuyên truyền pháp luật về TNBTCNN; tổ chức 01 Tọa đàm “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm quyền con người, quyền công dân”¹⁵ và thực hiện hoạt động tuyên truyền tại 04 địa phương¹⁶. Bên cạnh đó,

¹² Công văn số 627/BTP-BTNN và Công văn số 628/BTP-BTNN ngày 02/02/2024.

¹³ Hà Nội, Quảng Ngãi và Bạc Liêu.

¹⁴ Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước, Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước, Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước.

¹⁵ Trên Báo Pháp luật Việt Nam.

Bộ Tư pháp đã thực hiện lồng ghép phổ biến, giáo dục pháp luật về TNBTCNN trong các hoạt động giải đáp vướng mắc pháp luật, hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước, tập huấn, hội thảo, hội nghị liên ngành, các hoạt động kiểm tra công tác bồi thường nhà nước đã đem lại hiệu quả tích cực.

Lãnh đạo một số Bộ, ngành và địa phương đã ban hành Kế hoạch phổ biến, tuyên truyền và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chủ động đổi mới hình thức phổ biến, tuyên truyền Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi hành thông qua nhiều hình thức phù hợp với tình hình thực tế cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, cá nhân như: thông qua hội nghị, hội thảo, các cuộc họp giao ban định kỳ, hoạt động chuyên môn của cơ quan, đơn vị; tuyên truyền, phổ biến qua hệ thống phát thanh, truyền hình; xuất bản sách chuyên đề, sổ tay, cẩm nang về TNBTCNN; in, phát hành tờ rơi, tờ gấp; đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử; bản tin tư pháp.

2.4. Kết quả thực hiện quản lý chuyên ngành về bồi thường nhà nước

a) Hướng dẫn nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước, giải đáp vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về TNBTCNN, hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước

- Ở Trung ương, Bộ Tư pháp đã ban hành 79 văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp vướng mắc pháp luật, hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước¹⁷, trong đó đều là các vụ việc phức tạp, có liên quan đến nhiều cơ quan, nhiều ngành, nhiều cấp. Bên cạnh đó, Bộ đã hỗ trợ, hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước bảo đảm đúng quy định, đáp ứng yêu cầu của công dân, đồng thời, thực hiện công tác hỗ trợ, hướng dẫn tại chỗ đối với 08 địa phương¹⁸. Việc hướng dẫn nghiệp vụ đã được Bộ Tư pháp thực hiện khẩn trương, kịp thời, qua đó thúc đẩy tiến độ giải quyết bồi thường, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các cơ quan giải quyết bồi thường trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật. Đến nay, nhiều vụ việc yêu cầu bồi thường phức tạp, kéo dài đã được giải quyết dứt điểm¹⁹.

Trong ngành TAND và VKSND, việc hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường nhà nước tiếp tục được chủ động thực hiện thông qua các cuộc tập huấn, trao đổi nghiệp vụ trực tuyến, hướng dẫn nghiệp vụ trong toàn hệ thống.

- Ở địa phương, 12/63 Sở Tư pháp có phát sinh vụ việc giải quyết bồi thường đã tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện công tác hướng dẫn các cơ quan giải quyết bồi thường cũng như phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác

¹⁶ Phú Thọ, Hòa Bình, Cao Bằng, Kiên Giang.

¹⁷ Trong đó có 30 văn bản hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường đối với 28 trường hợp; 01 văn bản trả lời đơn thư của người dân đối với 01 trường hợp; 48 văn bản hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường của 34 trường hợp.

¹⁸ Tỉnh Sơn La, Bắc Giang, Nam Định, Nghệ An, Hồ Chí Minh, Gia Lai, Quảng Ngãi.

¹⁹ Vụ việc bà Huỳnh Thị Bán, Cao Văn Bạch, Hàn Đức Long, Phạm Văn Cường....

bồi thường nhà nước, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường trong phạm vi địa phương mình theo quy định của Luật TNBTCNN.

b) Công tác bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước

Bộ Tư pháp đã tổ chức 12 lớp tập huấn cho gần 1.200 công chức pháp chế tại các Bộ, ngành, TANDTC, VKSNDTC và công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại các Sở, ban ngành, Cục Thi hành án dân sự và một số công chức tư pháp cấp quận, huyện, cấp xã trên địa bàn 12 tỉnh, thành phố²⁰, phối hợp với các Sở Tư pháp địa phương cử 12 lượt báo cáo viên thực hiện tập huấn về công tác bồi thường nhà nước²¹.

Công tác bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về công tác bồi thường nhà nước tiếp tục được UBND các tỉnh quan tâm, triển khai. Trong năm 2024, đã có 46 địa phương tổ chức tập huấn riêng hoặc lồng ghép nội dung về bồi thường nhà nước tại các Hội nghị tập huấn công tác tư pháp cho công chức được giao thực hiện công tác bồi thường nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.

c) Công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước

Trong năm 2024, Bộ Tư pháp đã thực hiện rà soát, lập danh mục đối với 42 vụ việc đã được thụ lý từ năm 2023 trở về trước. Bộ Tư pháp đã 02 lần ban hành văn bản gửi 18 UBND tỉnh có vụ việc giải quyết bồi thường tồn đọng, kéo dài, trong đó đề nghị cập nhật thông tin giải quyết vụ việc vào tuần thứ 3 của tháng cuối của Quý²². Kết quả đôn đốc, các cơ quan giải quyết bồi thường đã giải quyết được tổng số 17 vụ (trong đó, có 12 vụ giải quyết tại Tòa án và 05 vụ giải quyết tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại), còn 25 vụ việc Bộ đang tiếp tục đôn đốc (trong đó, có 19 vụ việc giải quyết tại Tòa án và 04 vụ việc giải quyết tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại). Đồng thời, tổ chức 01 Đoàn công tác thực hiện theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc công tác bồi thường nhà nước tại tỉnh Đắk Nông. Bên cạnh đó, Bộ cũng thường xuyên cập nhật, theo dõi tin bài của các cơ quan truyền thông, báo chí phản ánh những vụ việc có khả năng phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước để kịp thời nắm bắt được tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường và đáp ứng yêu cầu nắm bắt thông tin thực hiện quản lý nhà nước²³.

Đối với công tác kiểm tra, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn của TANDTC, VKSNDTC, Bộ Công an, một số địa phương, đơn vị có liên quan thuộc Bộ tổ chức 23 đoàn kiểm tra công tác bồi thường nhà

²⁰ Tuyên Quang, Hải Dương, Hà Giang, Điện Biên, Nghệ An, Trà Vinh, Tiền Giang, Cần Thơ, Quảng Bình, Phú Yên, Quảng Nam, Sóc Trăng.

²¹ Đồng Tháp, Hưng Yên, An Giang, Hậu Giang, Tây Ninh, Hải Dương, Hà Nam, Cà Mau, Thái Bình, Khánh Hòa, Đắk Nông và Tp. Hải Phòng.

²² Lần 1: Công văn số 456/BTP-BTNN gửi TANDTC và Công văn số 457/BTP-BTNN gửi 18 UBND cấp tỉnh ngày 25/01/2024; Lần 2: Công văn số 174/BTNN-NV1.

²³ Đã cập nhật, theo dõi đối với 13 vụ việc được báo chí phản ánh có dấu hiệu oan, sai, có khả năng phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

nước²⁴. Trong năm 2024, công tác kiểm tra đã tăng về số lượng và yêu cầu cao hơn về nội dung, có trọng tâm, đánh giá sát và thực chất tình hình quản lý nhà nước về công tác bồi thường, giải quyết yêu cầu bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả.

Tại địa phương, đa số UBND các tỉnh đã thực hiện hoạt động theo dõi công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi quản lý của mình. Trên cơ sở kết quả theo dõi, 44/63 Sở Tư pháp đã ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra công tác bồi thường nhà nước hoặc thực hiện kiểm tra lồng ghép trong công tác kiểm tra tư pháp. Công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra giúp cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước kịp thời phát hiện sai sót, nắm bắt đầy đủ tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường, từ đó có giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

d) Công tác phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước

Ở Trung ương, hoạt động phối hợp liên ngành giữa Bộ Tư pháp với TANDTC, VKSNDTC và các Bộ, ngành có liên quan trong quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước có chiều sâu và đạt được kết quả đáng ghi nhận (hoạt động rà soát vụ việc yêu cầu bồi thường, xác định cơ quan giải quyết bồi thường, hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường và kiểm tra công tác bồi thường nhà nước), góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước, đặc biệt là trong hoạt động tố tụng. Việc phối hợp được thực hiện thông qua nhiều hình thức đa dạng như hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết, tổ chức các cuộc họp, ban hành văn bản trao đổi. Cụ thể, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc TANDTC, VKSNDTC, Bộ Công an và một số đơn vị thuộc Bộ tổ chức họp liên ngành để trao đổi, thống nhất về một số nội dung liên quan đến công tác bồi thường nhà nước vào ngày 24/5/2024²⁵ và đối với một số vụ việc yêu cầu bồi thường²⁶.

Trong năm 2024, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính xây dựng, ban hành Quy chế phối hợp công tác bồi thường nhà nước trong lĩnh vực thuế giữa 02 đơn vị²⁷.

Trong hoạt động thi hành án dân sự, Cục Bồi thường nhà nước đã phối hợp với Tổng cục Thi hành án dân sự (THADS) đánh giá kết quả phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động THADS năm 2023 và ban hành Báo cáo số 08/BC-BTNN ngày 15/01/2024 về kết quả phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động THADS năm 2023 giữa 02 Đơn vị. Đồng thời, thống nhất ban hành Kế hoạch số 02/KH-BTNN-TCTHADS ngày

²⁴ Tổ chức 08 đoàn kiểm tra liên ngành tại An Giang, Gia Lai, Cà Mau, Long An, Hải Phòng, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Dương; 14 đoàn kiểm tra định kỳ tại các tỉnh, thành phố Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Thanh Hóa, Lạng Sơn, Lào Cai, Lai Châu và Yên Bái, Hà Tĩnh, Kon Tum, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Bình Định, Ninh Thuận, Quảng Trị và 01 đoàn kiểm tra đột xuất tại tỉnh Sơn La.

²⁵ Báo cáo số 67/BC-BTNN ngày 30/5/2024.

²⁶ Vụ việc ông Lâm Hồng Sơn, TP Hồ Chí Minh; ông Cao Văn Quý, tỉnh Hưng Yên; kiến nghị của Công ty Luật TNHH Trương Anh Tú; vụ việc thực hiện nhiệm vụ của Bộ Tư pháp tại Quyết định số 169/QĐ-TTg của Chính phủ; ông Trần Xuân Định, tỉnh Nghệ An; ông Đỗ Văn Hùng, tỉnh Đắk Nông; ông Trần Mạnh Hải, tỉnh Lào Cai; bà Ngô Thùy Lan và ông Phạm Văn Hồ; vụ việc của bà Vũ Thị Hòa, tỉnh Gia Lai; ông Nguyễn Văn Chánh, tỉnh Bình Định.

²⁷ Quy chế phối hợp số 51/QCPH-TCT-CBTNN ngày 08/11/2024.

11/3/2024 về phối hợp thực hiện công tác bồi thường trong hoạt động THADS giai đoạn năm 2024 – 2028 giữa Cục Bồi thường nhà nước và Tổng cục THADS.

Ở địa phương, việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước đã tiếp tục được nhiều địa phương quan tâm thực hiện bài bản và đạt hiệu quả so với năm 2023. Trên cơ sở công văn của Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng văn bản phối hợp thực hiện công tác bồi thường tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương²⁸, tính đến nay, đã có 53/63 tỉnh, thành phố ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại địa phương trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án. Hoạt động phối hợp liên ngành đã giúp địa phương tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết vụ việc yêu cầu bồi thường, thúc đẩy công tác phối hợp giữa các ban, ngành trong việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại địa phương.

2.5. Công tác báo cáo, thống kê bồi thường nhà nước

Trong năm 2024, việc báo cáo, thống kê công tác bồi thường nhà nước được các Bộ, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc, trên cơ sở biểu mẫu và đề cương hướng dẫn của Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành, địa phương cơ bản đã bám sát, cập nhật các thông tin phục vụ công tác tổng hợp, đánh giá công tác bồi thường nhà nước trên phạm vi toàn quốc.

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả đạt được

Trong năm 2024, với sự hướng dẫn thống nhất của Bộ Tư pháp và tinh thần trách nhiệm, quyết tâm của các Bộ và UBND cấp tỉnh, công tác bồi thường nhà nước nói chung và công tác giải quyết yêu cầu bồi thường nói riêng đã thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Hoạt động quản lý chuyên ngành về bồi thường nhà nước được các địa phương thực hiện nghiêm túc, tích cực, chủ động, đặc biệt trong công tác bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ và công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước²⁹. Điều này đã tạo nên những chuyển biến tích cực trong kết quả giải quyết yêu cầu bồi thường. So với năm 2023, số lượng vụ việc và tổng số tiền bồi thường theo các văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật đều giảm (giảm 27 vụ việc tương đương 29,3%, giảm 24 tỷ 553 triệu 106 tương đương 62,2%)³⁰. Số tiền bồi thường được chi trả cho người bị thiệt hại giảm so với năm 2023 là 14 tỷ 838 triệu 923 nghìn đồng tương ứng 61,4%, đồng thời tỷ lệ số tiền hoàn trả mà người thi hành công vụ gây thiệt hại hoàn trả thấp hơn 1,5 lần (giảm 316 triệu 413 nghìn đồng).

²⁸ Công văn số 4131/BTP-BTNN ngày 24/10/2022 của Bộ Tư pháp.

²⁹ Năm 2024, 46 địa phương tổ chức tập huấn riêng hoặc lồng ghép nội dung về bồi thường nhà nước tại các Hội nghị tập huấn công tác tư pháp (tăng 13 địa phương so với năm 2023), 44 địa phương đã ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra công tác bồi thường nhà nước hoặc thực hiện kiểm tra lồng ghép trong công tác kiểm tra tư pháp (tăng 7 địa phương so với năm 2023).

³⁰ Năm 2023, số vụ việc là 92 vụ việc, tổng số tiền bồi thường theo các văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật là 39 tỷ 454 triệu 734 đồng.

Kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước đã tiếp tục góp phần bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại, lợi ích của Nhà nước và nâng cao niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Đồng thời, nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về TNBTCNN và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thi hành công vụ được nâng cao, hạn chế các sai phạm làm phát sinh TNBTCNN.

3.2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Một số tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, kết quả giải quyết bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại chưa cao, nhiều vụ việc người bị thiệt hại tiếp tục khởi kiện ra tòa án để yêu cầu bồi thường sau khi đã giải quyết tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ³¹ dẫn đến số vụ việc người yêu cầu bồi thường khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết còn chiếm tỷ lệ cao (chiếm tỷ lệ 63,1% vụ việc đã được thụ lý, giải quyết)³².

Bên cạnh đó, một số Tòa án tuyên án phí và tuyên tiền lãi do chậm thi hành các bản án, quyết định của Tòa án đối với số tiền Nhà nước phải bồi thường mà bị đơn là cơ quan nhà nước trong các vụ án giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước là chưa đúng quy định của pháp luật về TNBTCNN, dẫn đến việc lập hồ sơ đề nghị cấp kinh phí bồi thường, chi trả tiền bồi thường của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại gặp nhiều khó khăn³³.

Thứ hai, việc thực hiện công tác quản lý nhà nước của các Bộ, địa phương còn một số hạn chế như: công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về TNBTCNN theo hình thức tiếp cận trực tiếp đến người dân còn hạn chế về số lượng, chưa tổ chức thường xuyên, chưa có nguồn lực để quan tâm nhiều đến đối tượng là cá nhân, tổ chức. Công tác theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước của các cơ quan quản lý nhà nước vẫn còn có nơi, có lúc chưa thực sự hiệu quả. Đồng thời, việc nắm bắt, theo dõi tình hình và dự báo khả năng phát sinh các vụ việc yêu cầu bồi thường chưa được quan tâm thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ, kịp thời dẫn đến tình trạng còn bị động khi phát sinh vụ việc yêu cầu bồi thường nhà nước.

Thứ ba, công tác phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước có lúc, có nơi chưa có sự chủ động, thường xuyên, đặc biệt là phối hợp trong việc nắm bắt thông tin về công tác bồi thường nhà nước, phối hợp trong hoạt động giải quyết bồi thường. Tại một số địa phương, một số cơ quan giải quyết bồi thường chưa thực hiện đúng quy định về việc gửi văn bản giải quyết bồi thường cho Sở Tư pháp,

³¹ Năm 2024, có 15 vụ việc người bị thiệt hại khởi kiện ra tòa án để yêu cầu bồi thường sau khi đã giải quyết tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ.

³² 41/65 vụ việc được thụ lý giải quyết tại Tòa án năm 2024.

³³ Vụ việc của công dân Nguyễn Thị Tuyết và Trương Thanh Quyết yêu cầu UBND thành phố Lào Cai bồi thường; vụ việc công dân Phan Xuân Tuấn và Võ Thị Lê yêu cầu UBND thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bồi thường.

Bộ Tư pháp gây khó khăn hoạt động theo dõi, thống kê, báo cáo tình hình giải quyết yêu cầu bồi thường.

b) Nguyên nhân của những hạn chế

- Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, cơ quan giải quyết bồi thường chưa chủ động, kịp thời phối hợp trong việc thông tin, báo cáo tình hình giải quyết bồi thường, không gửi văn bản trong quá trình giải quyết bồi thường, xem xét trách nhiệm hoàn trả cho cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường³⁴. Một số cơ quan còn nhầm lẫn giữa cơ chế bảo đảm tài chính để thi hành án nên đã lập hồ sơ đề nghị cấp kinh phí bồi thường không đúng quy định, dẫn đến vụ việc bị kéo dài.

Thứ hai, nguồn nhân lực thực hiện công tác bồi thường nhà nước nói chung, giải quyết bồi thường nhà nước nói riêng còn chưa nắm chắc về chuyên môn, nghiệp vụ và số lượng do hầu hết tại các cơ quan, địa phương đều là công chức kiêm nhiệm thực hiện công tác bồi thường nhà nước, không có sự ổn định nên khó khăn trong việc nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên sâu và tích lũy kỹ năng, kinh nghiệm trong công tác.

Thứ ba, một số địa phương còn chưa thực sự quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường nhà nước đối với hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, phối hợp liên ngành, hoạt động giải quyết bồi thường. Một số Sở Tư pháp chưa thực sự phát huy được vai trò trong việc tham mưu giúp UBND cấp tỉnh thực hiện toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tại địa phương.

Thứ tư, nhận thức pháp luật về TNBTCNN của người bị thiệt hại còn hạn chế nên còn tình trạng chưa hợp tác với cơ quan giải quyết bồi thường như không thực hiện đầy đủ, kịp thời hướng dẫn của cơ quan giải quyết bồi thường, yêu cầu bồi thường đối với các loại thiệt hại, giá trị bồi thường cao, không đúng quy định của pháp luật dẫn đến khó khăn trong việc xác minh thiệt hại, thương lượng làm vụ việc bị kéo dài.

- Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, Luật TNBTCNN quy định thời gian tiếp nhận, thụ lý và giải quyết yêu cầu bồi thường còn ngắn tạo áp lực lên cơ quan giải quyết bồi thường nên nhiều vụ việc phức tạp khi thực hiện việc xác minh, thương lượng không bảo đảm thời hạn.

Thứ hai, lĩnh vực pháp luật về TNBTCNN là lĩnh vực pháp luật rộng và khó, quá trình thực hiện liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật, nhiều cơ quan khác nhau nên khi thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước đòi hỏi công chức, viên chức phải vững vàng về kiến thức pháp luật

³⁴ Cơ quan kiểm sát chỉ gửi các văn bản trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường cho VKSND cấp trên trực tiếp theo quy định tại Quyết định số 304/QĐ-VKSTC năm 2018 của VKSNDTC về quy trình giải quyết yêu cầu bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự thuộc trách nhiệm của VKSND mà không gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường theo quy định của Luật TNBTCNN năm 2017.

cũng như có kinh nghiệm trong giải quyết các vấn đề của người dân, trong công tác phối hợp trao đổi nắm bắt thông tin, hồ sơ thống nhất ý kiến với các cơ quan có liên quan để bảo đảm tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp vướng mắc pháp luật, hỗ trợ hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước. Do đó, cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước phải nghiên cứu kỹ lưỡng và dành nhiều thời gian, công sức cho các công tác phối hợp đối với một vụ việc.

Thứ ba, nguồn kinh phí để thực hiện các hoạt động về quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước cho các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương và Trung ương còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu công việc. Cụ thể, đối với Bộ Tư pháp còn hạn chế kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu về công tác bồi thường nhà nước; kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, rà soát, đánh giá, thực hiện đổi mới giải pháp để tăng cường hiệu quả công tác hỗ trợ, hướng dẫn; nghiên cứu, đánh giá, đề xuất hoàn thiện thể chế về TNBTCNN đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng yêu cầu Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới...

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 764/QĐ-BTP ngày 22/5/2023 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, trong đó xác định nhiệm vụ trọng tâm là *“Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác bồi thường nhà nước. Tiếp tục tổ chức thi hành hiệu quả pháp luật về bồi thường nhà nước để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân cũng như lợi ích của Nhà nước; tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian tới”* và *“Nghiên cứu xây dựng Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sửa đổi) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành”*.

Trong tình hình bối cảnh chung đối với các hoạt động của Bộ, ngành Tư pháp trong việc tiếp tục tổ chức và thi hành Hiến pháp năm 2013, xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, có hiệu lực, hiệu quả cao, có sức cạnh tranh quốc tế, lấy quyền và lợi ích hợp pháp của người dân là trung tâm, bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước thì việc nâng cao hiệu quả công tác bồi thường nhà nước, chú trọng bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong bối cảnh, tình hình mới đặt ra nhiều yêu cầu, thách thức mới.

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Trên cơ sở đánh giá những hạn chế và nguyên nhân tình hình và kết quả công tác bồi thường nhà nước đạt được trong năm 2024 và đánh giá giữa nhiệm kỳ, Bộ Tư pháp xác định một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025 và đến hết nhiệm kỳ như sau:

1.1. Tiếp tục tổ chức thi hành hiệu quả các quy định của Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.2. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện hiệu quả các hoạt động quản lý nhà nước. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về TNBTCNN cho đối tượng là cá nhân, tổ chức; tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất, kiểm tra liên ngành, công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước; tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật.

1.3. Đề nghị TANDTC, VKSNDTC chỉ đạo các cơ quan thuộc phạm vi quản lý của ngành mình và đề nghị UBND cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình khẩn trương giải quyết dứt điểm các vụ việc yêu cầu bồi thường đang còn tồn đọng để bảo đảm quyền lợi của người bị thiệt hại cũng như lợi ích của Nhà nước; chủ động phục hồi danh dự đối với người bị thiệt hại theo quy định tại Điều 57 của Luật TNBTCNN năm 2017; chủ động dự báo khả năng phát sinh yêu cầu bồi thường.

1.4. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa Bộ Tư pháp với VKSNDTC, TANDTC, các Bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước; hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường; thống nhất các biện pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về TNBTCNN; TANDTC, VKSNDTC và các Bộ, ngành quan tâm chỉ đạo các cơ quan thuộc phạm vi quản lý của ngành mình tại địa phương phối hợp chặt chẽ, kịp thời với UBND cấp tỉnh trong việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại địa phương.

1.5. Nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trên cơ sở tổng hợp, đánh giá, nghiên cứu hoàn thiện thể chế về pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước để phù hợp trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, phù hợp điều kiện, hoàn cảnh kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025, thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội, tạo tiền đề cho việc phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2025-2030.

2. Giải pháp chủ yếu

2.1. Xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác cụ thể có tính trọng tâm, bảo đảm tính khả thi cao, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trong các kế hoạch chung của ngành Tư pháp, đồng thời, tổ chức có hiệu quả việc đôn đốc,

theo dõi tình hình thực hiện Chương trình công tác. Việc triển khai công tác bồi thường nhà nước trên cơ sở quán triệt đầy đủ quan điểm của Đảng tại các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

2.2. Thực hiện thường xuyên, đa dạng các hình thức hoạt động phối hợp liên ngành với TANDTC, VKSNDTC và các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh trong việc xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác bồi thường nhà nước; thực hiện đầy đủ, có trọng tâm các nội dung quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước; nắm bắt thông tin, lập danh sách các vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường để chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc nhằm giải quyết dứt điểm các vụ việc đã thụ lý, không để tình trạng tồn đọng, kéo dài gây bức xúc cho người bị thiệt hại và dư luận xã hội. Đề nghị TANDTC, VKSNDTC và các bộ, ngành quan tâm chỉ đạo các cơ quan thuộc phạm vi quản lý của ngành mình tại địa phương phối hợp chặt chẽ, kịp thời với UBND cấp tỉnh trong việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại địa phương. Đề nghị UBND cấp tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác bồi thường nhà nước ở địa phương mình bảo đảm đúng quy định của pháp luật, chú trọng các nhiệm vụ trọng tâm theo hướng dẫn hằng năm của Bộ Tư pháp.

2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thực hiện công tác bồi thường nhà nước, tập trung vào hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường và hoạt động giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực bồi thường nhà nước từ Trung ương đến địa phương, nâng cao hiệu quả công tác bồi thường nhà nước, bảo đảm tốt hơn quyền yêu cầu bồi thường của người bị thiệt hại.

Trên đây là Báo cáo về công tác bồi thường nhà nước năm 2024, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp năm 2025, Bộ Tư pháp xin trân trọng báo cáo Chính phủ. *HL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg Chính phủ Lê Thành Long (để báo cáo);
- Bộ trưởng Nguyễn Hải Ninh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, Cục BTNN (2b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đặng Hoàng Oanh



Phụ lục 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÌNH HÌNH YÊU CẦU BỒI THƯỜNG, GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG VÀ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM HOÀN TRẢ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, TỐ TỤNG VÀ THI HÀNH ÁN (THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT TNBTCNN NĂM 2009)
(Số liệu tính từ 01/01/2024 đến 31/12/2024)

(Kèm theo Báo cáo số 62/BC-BTP ngày 14/02/2025 của Bộ Tư pháp)

| STT | Cơ quan/địa phương báo cáo | Số vụ việc thụ lý năm 2024 | Số vụ việc thụ lý trước năm 2023 chuyển sang | Số vụ việc giải quyết năm 2024 | | | Số tiền bồi thường (nghìn đồng) | Chi trả tiền bồi thường | Thực hiện trách nhiệm hoàn trả | | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|---|----------------------------|--|--------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------|--------------------------------|-------------------------------|---------|
| | | | | Tổng số | Số vụ việc đã giải quyết xong | Số vụ việc chưa giải quyết xong | | | Số vụ việc hoàn trả | Số tiền hoàn trả (nghìn đồng) | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| TỔNG SỐ TRÊN ĐỊA BÀN CẢ NƯỚC | | 1 | 6 | 7 | 4 | 3 | 3.434.043 | 3.069.790 | | | |
| I | LĨNH VỰC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH(*3) | 1 | 2 | 3 | 2 | 1 | 3.069.790 | 3.069.790 | - | - | - |
| 1 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 1 | | 1 | 1 | | 3.069.790 | 3.069.790 | | | |
| 2 | Gia Lai | | 1 | 1 | | 1 | | | | | |
| 3 | Thừa Thiên - Huế | | 1 | 1 | 1 | | | | | | |
| II | LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (*4) | - | 4 | 4 | 2 | 2 | 364.253. | - | - | - | - |

| | | | | | | | | | | |
|---|------------|--|---|---|---|---|----------|---|--|--|
| 1 | Gia Lai | | 1 | 1 | | 1 | | - | | |
| 2 | Hải Phòng | | 1 | 1 | | 1 | | | | |
| 3 | Kiên Giang | | 1 | 1 | 1 | | | - | | |
| 4 | Tây Ninh | | 1 | 1 | 1 | | 364.253. | - | | |

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Phương Thảo

Ngày 14 tháng 02 năm 2025.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Đặng Hoàng Oanh



Phụ lục số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH YÊU CẦU BỒI THƯỜNG, GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG VÀ CHI TRẢ TIỀN BỒI THƯỜNG
THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT TNBTCNN NĂM 2017**
(Số liệu tính từ 01/01/2024 đến 31/12/2024)

(Kèm theo Báo cáo số 62 /BC-BTP ngày 14 / 02 /2025 của Bộ Tư pháp)

| STT | Cơ quan, đơn vị/địa phương báo cáo | Thụ lý vụ việc (vụ việc) | | | | | | | | | Tình hình giải quyết vụ việc | | | | | | | | | | | Chi trả tiền bồi thường | | | | |
|----------|---|---|------------------------|--|---|------------------------|--|---|--|------------------------|---|----------------------------------|---------|--|----------------------------|--|--|---------------------------------|---------------------------------|--|--|--|--|--|-----------|----------|
| | | Số vụ việc thụ lý mới | | | Số vụ việc kỳ trước chuyển sang | | | Đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật | | | Đang giải quyết (vụ việc) | | | Đình chỉ (vụ việc) | | | | | | | | | | | | |
| | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý tại Tòa án | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý của Tòa án | | Tổng số vụ việc (vụ việc) | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (vụ việc) | Tại Tòa án (vụ việc) | | 'Số tiền bồi thường (nghìn đồng) | Tổng số | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Đang giải quyết tại Tòa án | | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Tại Tòa án theo thủ tục tố tụng | Số vụ việc đã chi trả (vụ việc) | Số tiền đã chi trả theo quyết định có hiệu lực của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ (nghìn đồng) | Số tiền đã chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án (nghìn đồng) | | | | | |
| | | | Khởi kiện vụ án dân sự | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | Khởi kiện vụ án dân sự | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | | Khởi kiện vụ án dân sự | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | | | Khởi kiện vụ án dân sự | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | | | | | | Theo điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Theo điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | |
| | TỔNG CỘNG I+II+IV | 58 | 11 | 7 | 4 | 1 | 9 | 16 | 10 | 0 | 17 | 6 | 6 | 5 | 0 | 11.467.285 | 30 | 12 | 9 | 8 | 1 | 2 | 9 | 7 | 6.139.456 | 129.537. |
| I | TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | TỔNG (QLHC) | 24 | 4 | 4 | 4 | 0 | 2 | 7 | 3 | 0 | 5 | 2 | 2 | 1 | 0 | 3.241.400 | 12 | 2 | 4 | 6 | 0 | 2 | 5 | 2 | 3.192.570 | |

| STT | Cơ quan, đơn vị/địa phương báo cáo | Thụ lý vụ việc (vụ việc) | | | | | | | | | Tình hình giải quyết vụ việc | | | | | | | | | | | Chỉ trả tiền bồi thường | | | | | | |
|-----|------------------------------------|--------------------------|---|------------------------|--|---|---|------------------------|--|------------------------|------------------------------|---|--|--|------------------------|---|---------------------------|---------|--|-----------------------------|--|-----------------------------|---|--|---------------------------------|---------------------------------|--|--|
| | | Tổng số vụ việc | Số vụ việc thụ lý mới | | | | Số vụ việc kỳ trước chuyển sang | | | | | Đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật | | | | | Đang giải quyết (vụ việc) | | | | | | | Định chỉ (vụ việc) | | | | |
| | | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý tại Tòa án | | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý của Tòa án | | | | Tổng số vụ việc (vụ việc) | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (vụ việc) | Tại Tòa án (vụ việc) | | | | Tổng số | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Đang giải quyết tại Tòa án | | | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Tại Tòa án theo thủ tục tố tụng | Số vụ việc đã chi trả (vụ việc) | Số tiền đã chi trả theo quyết định có hiệu lực của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ (nghìn đồng) | Số tiền đã chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án (nghìn đồng) |
| | | | | Khởi kiện vụ án dân sự | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | | Khởi kiện vụ án dân sự | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Khởi kiện vụ án dân sự | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | | | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Khởi kiện vụ án dân sự | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Khởi kiện vụ án dân sự | | | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | | | | | | |
| 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | | |
| 1 | Bắc Ninh | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | 1 | 1 | | | | | | | | | | |
| 2 | Bình Dương | 1 | | | | | | 1 | | | | | | | | | 1 | | 1 | | | | | | | | | |
| 3 | Cà Mau | 2 | 1 | | | | | | 1 | | | | | | | | 1 | | | 1 | | | | | | | | |
| 4 | Cao Bằng | 1 | | | | | 1 | | | | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Cần Thơ | 3 | | 2 | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 3 | | | | | |
| 6 | Đắk Lắk | 1 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1 | | | | | |
| 7 | Đắk Nông | 1 | | | | | | | 1 | | | | | | | | 1 | | | 1 | | | | | | | | |
| 8 | Đồng Tháp | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | 1 | 1 | | | | | | | | | | |

| STT | Cơ quan, đơn vị/địa phương báo cáo | Thụ lý vụ việc (vụ việc) | | | | | | | | | Tình hình giải quyết vụ việc | | | | | | | | | | | Chi trả tiền bồi thường | | | | | | | |
|-----|------------------------------------|--------------------------|---|-----------------------------|--|--|---|---|-----------------------------|--|--|---|--|-----------------------------|--|---|-----------------------------|---------|--|--|---|-------------------------|---|--------------------|--|---------------------------------|---------------------------------|--|--|
| | | Tổng số vụ việc | Số vụ việc thụ lý mới | | | | Số vụ việc kỳ trước chuyển sang | | | | | Đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật | | | | | Đang giải quyết (vụ việc) | | | | | | | Đình chỉ (vụ việc) | | | | | |
| | | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý tại Tòa án | | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý của Tòa án | | | | Tổng số vụ việc (vụ việc) | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (vụ việc) | Tại Tòa án (vụ việc) | | | | Tổng số | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Đang giải quyết tại Tòa án | | | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Tại Tòa án theo thủ tục tố tụng | Số vụ việc đã chi trả (vụ việc) | Số tiền đã chi trả theo quyết định có hiệu lực của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ (nghìn đồng) | Số tiền đã chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án (nghìn đồng) |
| | | | | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | | | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | | | | | | | |
| 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | | | |
| 9 | Gia Lai | 1 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 1 | | | | | | | |
| 10 | Hồ Chí Minh | 6 | | | 4 | | | 2 | | | 1 | | 1 | | | | 5 | | 1 | 4 | | | | | | | | | |
| 11 | Kiên Giang | 1 | | | | | 1 | | | | | | | | | | 1 | | 1 | | | | | | | | | | |
| 12 | Phú Yên | 1 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | 1 | | | | | | |
| 13 | Son La | 1 | 1 | | | | | | | | 1 | 1 | | | | 179.900. | | | | | | | | 1 | 179.900. | | | | |
| 14 | Thái Bình | 1 | | | | | | 1 | | | 1 | | 1 | | | 3.012.670 | | | | | | | | 1 | 3.012.670 | | | | |
| 15 | Vĩnh Phúc | 2 | | 1 | | | 1 | | | | 1 | | 1 | | | 48.830. | 1 | | 1 | | | | | | | | | | |
| II | TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG HÌNH SỰ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| STT | Cơ quan, đơn vị/địa phương báo cáo | Thụ lý vụ việc (vụ việc) | | | | | | | | | Tình hình giải quyết vụ việc | | | | | | | | | | | Chi trả tiền bồi thường | | | | | | | |
|-----|------------------------------------|--------------------------|---|-----------------------------|--|--|---|---|-----------------------------|--|--|---|--|-----------------------------|--|---|---------------------------|--|-----------------------------|--|---|-------------------------|----|--------------------|--|---------------------------------|---------------------------------|--|--|
| | | Tổng số vụ việc | Số vụ việc thụ lý mới | | | | Số vụ việc kỳ trước chuyển sang | | | | | Đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật | | | | | Đang giải quyết (vụ việc) | | | | | | | Đình chỉ (vụ việc) | | | | | |
| | | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý tại Tòa án | | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý của Tòa án | | | | Tổng số vụ việc (vụ việc) | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (vụ việc) | Tại Tòa án (vụ việc) | | | Tổng số | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Đang giải quyết tại Tòa án | | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | | | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Tại Tòa án theo thủ tục tố tụng | Số vụ việc đã chi trả (vụ việc) | Số tiền đã chi trả theo quyết định có hiệu lực của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ (nghìn đồng) | Số tiền đã chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án (nghìn đồng) |
| | | | | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | | | | | | | | | |
| 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | | | |
| | CỘNG TTHS (1+2+3) | 16 | 4 | 0 | 0 | 0 | 7 | 0 | 5 | 0 | 8 | 4 | 0 | 4 | 0 | 8.096.405 | 8 | 7 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 3 | 2.946.886 | 57 | | | |
| 1 | NGÀNH TÒA ÁN | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 1 | 0 | 2 | 1 | 0 | 1 | 0 | 3.698.110 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | - | 57 | | | |
| 1 | Đắk Nông | 1 | | | | | | | 1 | | 1 | | | 1 | | 303.749 | | | | | | | | 1 | | 57 | | | |
| 2 | Hải Phòng | 1 | | | | | 1 | | | | | | | | | | 1 | 1 | | | | | | | | | | | |
| 3 | TANDCC | 1 | | | | | 1 | | | | 1 | 1 | | | | 3.394.361 | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | NGÀNH KIỂM SÁT | 8 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 6 | 3 | 0 | 3 | 0 | 4.398.295 | 2 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2.946.886 | - | | | |

| STT | Cơ quan, đơn vị/địa phương báo cáo | Thủ lý vụ việc (vụ việc) | | | | | | | | | Tình hình giải quyết vụ việc | | | | | | | | | | | Chi trả tiền bồi thường | | | | | |
|-----------------------------|--|-----------------------------|---|-----------------------------|--|-------------------|---|-------------------|---------------------------|--|------------------------------|--|------------------------|----------------------------------|---------|--|-----------------------------|--|-----------------------------|---|--|---------------------------------|---------------------------------|--|--|--|-----------------------------|
| | | Tổng số vụ việc | Số vụ việc thụ lý mới | | | | Số vụ việc kỳ trước chuyển sang | | | | | Đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật | | | | | Đang giải quyết (vụ việc) | | | | | | | | Đình chỉ (vụ việc) | | |
| | | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý tại Tòa án | | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý của Tòa án | Tổng số vụ việc (vụ việc) | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (vụ việc) | Tại Tòa án (vụ việc) | | | 'Số tiền bồi thường (nghìn đồng) | Tổng số | Tại cơ quan quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Đang giải quyết tại Tòa án | | | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Tại Tòa án theo thủ tục tố tụng | Số vụ việc đã chi trả (vụ việc) | Số tiền đã chi trả theo quyết định có hiệu lực của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ (nghìn đồng) | Số tiền đã chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án (nghìn đồng) | | |
| | | | | Khởi kiện vụ án dân sự | Yếu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Thụ lý của Tòa án | | | | | Khởi kiện vụ án dân sự | Yếu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Khởi kiện vụ án dân sự | | | | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | | | | | | | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 |
| Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | An Giang | 1 | 1 | | | | | | | | 1 | 1 | | | | 2.737.623 | | | | | | | | 1 | 2.737.623 | | |
| 2 | Cà Mau | 3 | | | | | | 3 | | | 3 | | 3 | | | 1.451.409 | | | | | | | | | | | |
| 3 | Đắk Nông | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | 1 | 1 | | | | | | | | | |
| 4 | Hồ Chí Minh | 2 | 1 | | | | | 1 | | | 1 | 1 | | | | | 1 | | | | | | | | | | |
| 5 | Long An | 1 | 1 | | | | | | | | 1 | 1 | | | | 209.263 | | | | | | | | 1 | 209.263 | | |
| 3 | NGÀNH CÔNG AN | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | - | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | - | 0 |
| 1 | Đồng Nai | 5 | | | | | 5 | | | | | | | | | | 5 | 5 | | | | | | | | | |
| III | TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG DÂN SỰ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| STT | Cơ quan, đơn vị/địa phương báo cáo | Thụ lý vụ việc (vụ việc) | | | | | | | | | Tình hình giải quyết vụ việc | | | | | | | | | | | Chi trả tiền bồi thường | | | | | |
|-----|-------------------------------------|--------------------------|------------------------|--|------------------------|---|---|--|------------------------|---------------------------|--|--|-----------------------------|----------------------------------|---------|--|--|-----------------------------|---|--|---------------------------------|---------------------------------|--|--|--|-----------------------------|--|
| | | Số vụ việc thụ lý mới | | | | Số vụ việc kỳ trước chuyển sang | | | | | Đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật | | | | | Đang giải quyết (vụ việc) | | | | | Đình chỉ (vụ việc) | | | | | | |
| | | Tổng số vụ việc | Thụ lý tại Tòa án | | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý của Tòa án | | Tổng số vụ việc (vụ việc) | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (vụ việc) | Tại Tòa án (vụ việc) | | 'Số tiền bồi thường (nghìn đồng) | Tổng số | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Đang giải quyết tại Tòa án | | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Tại Tòa án theo thủ tục tố tụng | Số vụ việc đã chi trả (vụ việc) | Số tiền đã chi trả theo quyết định có hiệu lực của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ (nghìn đồng) | Số tiền đã chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án (nghìn đồng) | | | |
| | | | Khởi kiện vụ án dân sự | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Khởi kiện vụ án dân sự | | | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Khởi kiện vụ án dân sự | | | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | | | | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | | | | | | | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 |
| 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | |
| | Cộng TTDS | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | |
| 1 | Lào Cai | 1 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1 | | | | |
| IV | TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cộng TTHC | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1 | Bắc Kan | 1 | | | | 1 | | | | | | | | | | | 1 | | | | 1 | | | | | | |
| V | TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cộng THAHS | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| VI | TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| STT | Cơ quan, đơn vị/địa phương báo cáo | Thụ lý vụ việc (vụ việc) | | | | | | | | | Tình hình giải quyết vụ việc | | | | | | | | | | | Chi trả tiền bồi thường | | | | | |
|-----------------------------|--|-----------------------------|---|-----------------------------|--|---|---|-----------------------------|--|------------------------|---|--|---|------------------------|---|---------------------------|----------------------------------|---------|--|----------------------------|--------------------|-------------------------|--|---------------------------------|---------------------------------|--|--|
| | | Tổng số vụ việc | Số vụ việc thụ lý mới | | | | Số vụ việc kỳ trước chuyển sang | | | | Đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật | | | | | Đang giải quyết (vụ việc) | | | | | Đình chỉ (vụ việc) | | | | | | |
| | | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý tại Tòa án | | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý của Tòa án | | | Tổng số vụ việc (vụ việc) | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (vụ việc) | Tại Tòa án (vụ việc) | | | | 'Số tiền bồi thường (nghìn đồng) | Tổng số | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Đang giải quyết tại Tòa án | | | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Tại Tòa án theo thủ tục tố tụng | Số vụ việc đã chi trả (vụ việc) | Số tiền đã chi trả theo quyết định có hiệu lực của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ (nghìn đồng) | Số tiền đã chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án (nghìn đồng) |
| | | | | Khởi kiện vụ án dân sự | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | | Khởi kiện vụ án dân sự | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Khởi kiện vụ án dân sự | | | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Khởi kiện vụ án dân sự | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | | | | | | | | | | | |
| Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | Theo điểm a khoản 1 Điều 52 | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | |
| | CỘNG THADS | 16 | 3 | 2 | 0 | 0 | 0 | 8 | 2 | 0 | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | 129.480. | 9 | 3 | 4 | 1 | 0 | 0 | 3 | 2 | 0 | 129.480. | |
| 1 | An Giang | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | 1 | 1 | | | | | | | | | |
| 2 | Bắc Ninh | 2 | 1 | | | | | | 1 | | | | | | | | 1 | 1 | | | | | 1 | | | | |
| 3 | Cần Thơ | 3 | | 2 | | | | 1 | | | 1 | | 1 | | | | 1 | | 1 | | | | 1 | | | | |
| 4 | Đồng Nai | 1 | | | | | | 1 | | | | | | | | | 1 | | 1 | | | | | | | | |
| 5 | Hậu Giang | 3 | | | | | | 2 | 1 | | | | | | | | 2 | | 1 | 1 | | | 1 | | | | |
| 6 | Kiên Giang | 1 | | | | | | 1 | | | | | | | | | 1 | | 1 | | | | | | | | |
| 7 | Lâm Đồng | 2 | | | | | | 2 | | | 2 | | 2 | | | 129.480. | | | | | | | | 2 | | 129.480. | |

| STT | Cơ quan, đơn vị/địa phương báo cáo | Thụ lý vụ việc (vụ việc) | | | | | | | | | Tình hình giải quyết vụ việc | | | | | | | | | | Chỉ trả tiền bồi thường | | | | | |
|-----|------------------------------------|---|------------------------|--|---|------------------------|--|---|--|------------------------|---|---------|--|----------------------------|--|---|--|---------------------------------|---------------------------------|--|--|----|----|----|----|----|
| | | Số vụ việc thụ lý mới | | | Số vụ việc kỳ trước chuyển sang | | | Đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật | | | Đang giải quyết (vụ việc) | | | | Đình chỉ (vụ việc) | | | | | | | | | | | |
| | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý tại Tòa án | | Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Thụ lý của Tòa án | | Tổng số vụ việc (vụ việc) | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (vụ việc) | Tại Tòa án (vụ việc) | | Tổng số | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Đang giải quyết tại Tòa án | | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Tại Tòa án theo thủ tục tố tụng | Số vụ việc đã chi trả (vụ việc) | Số tiền đã chi trả theo quyết định có hiệu lực của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ (nghìn đồng) | Số tiền đã chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án (nghìn đồng) | | | | | |
| | | | Khởi kiện vụ án dân sự | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | Khởi kiện vụ án dân sự | Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | | Khởi kiện vụ án dân sự | Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính | | | Khởi kiện vụ án dân sự | Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 | | | | | | | | | | | |
| 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 |
| 8 | Nam Định | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | 1 | 1 | | | | | | | | |
| 9 | Phú Yên | 1 | | | | | | 1 | | | | | | | | | 1 | | 1 | | | | | | | |
| 10 | Tiền Giang | 1 | | | | | | 1 | | | 1 | | 1 | | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Phương Thảo

Lê Thị Phương Thảo

Ngày 14 tháng 02 năm 2025



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đặng Hoàng Oanh

| STT | Bộ, ngành, địa phương | Số tiền đã chi trả xong cho người yêu cầu bồi thường (nghìn đồng) | Xem xét trách nhiệm hoàn trả | | | | | | Giảm mức hoàn trả | | Số vụ việc hoàn trả (vụ việc) | Số tiền đã hoàn trả | | | Số tiền còn phải hoàn trả (nghìn đồng) | GHI CHÚ |
|-------------|--|---|------------------------------|---|------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|--|----------------------|----------------------|-------------------------------|----------------------|---|---|--|----------|
| | | | Tổng số vụ việc xem xét | Số vụ việc đã xem xét | | Số vụ việc đang xem xét (vụ việc) | Số vụ việc không xem xét (vụ việc) | | Số vụ việc (vụ việc) | Số tiền (nghìn đồng) | | Tổng số (nghìn đồng) | Số tiền đã hoàn trả trong kỳ báo cáo (nghìn đồng) | Số tiền đã hoàn trả kỳ trước chuyển sang (nghìn đồng) | | |
| | | | | Số vụ việc có Quyết định có hiệu lực và đã thực hiện hoàn trả (vụ việc) | Số tiền phải hoàn trả (nghìn đồng) | | Người thi hành công vụ không có lỗi | Người thi hành công vụ chết trước khi ra quyết định hoàn trả | | | | | | | | |
| 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | |
| | Tây Ninh | 1.077.000. | 1 | 1 | 105.849 | | | | | | | 56.276 | 21.346 | 34.930 | 49.573 | |
| | Tuyên Quang | 1.077.051 | 2 | 1 | 1.800. | 1 | | | | | | 1.800. | 1.800. | | | |
| | Thái Bình | 3.012.670 | 1 | | | | | 1 | | | | | | | | |
| | Vĩnh Phúc | 48.830. | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | |
| II | TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG HÌNH SỰ | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cộng | | 13.115.923 | 9 | 2 | 382.089 | 7 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 382.089 | |
| | An Giang | 2.737.623 | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | |
| | Bắc Giang | 5.532.309 | 4 | | | 4 | | | | | | | | | | |
| | Khánh Hòa | 1.679.726 | 1 | 1 | | | | 1 | | | | | | | | |
| | Long An | 209.263 | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | |
| | Phú Yên | 382.089 | 1 | 1 | 382.089 | | | | | | | | | | 382.089 | |
| | Tây Ninh | 2.574.912 | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | |
| III | TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG DÂN SỰ | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cộng | | 600.717.753 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Hồ Chí Minh | 600.717.753 | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | |
| IV | TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cộng | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| V | TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cộng | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| VI | TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ | | | | | | | | | | | | | | | |

| STT | Bộ, ngành, địa phương | Số tiền đã chi trả xong cho người yêu cầu bồi thường (nghìn đồng) | Xem xét trách nhiệm hoàn trả | | | | | | Giảm mức hoàn trả | | Số vụ việc hoãn hoàn trả (vụ việc) | Số tiền đã hoàn trả | | | Số tiền còn phải hoàn trả (nghìn đồng) | GHI CHÚ |
|-------------|-----------------------|---|------------------------------|---|------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|--|----------------------|----------------------|------------------------------------|----------------------|---|---|--|---------|
| | | | Tổng số vụ việc xem xét | Số vụ việc đã xem xét | | Số vụ việc đang xem xét (vụ việc) | Số vụ việc không xem xét (vụ việc) | | Số vụ việc (vụ việc) | Số tiền (nghìn đồng) | | Tổng số (nghìn đồng) | Số tiền đã hoàn trả trong kỳ báo cáo (nghìn đồng) | Số tiền đã hoàn trả kỳ trước chuyển sang (nghìn đồng) | | |
| | | | | Số vụ việc có Quyết định có hiệu lực và đã thực hiện hoàn trả (vụ việc) | Số tiền phải hoàn trả (nghìn đồng) | | Người thi hành công vụ không có lỗi | Người thi hành công vụ chết trước khi ra quyết định hoàn trả | | | | | | | | |
| 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | |
| Cộng | | 7.454.534 | 3 | 1 | 23.159 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 23.159 | |
| | Bình Định | 2.832.989 | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | |
| | Đồng Nai | 4.541.644 | 1 | 1 | 23.159 | | | | | | | | | | 23.159 | |
| | Phú Yên | 79.900. | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Phương Thảo

Ngày 11 tháng 02 năm 2024

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG




Đặng Hoàng Oanh

DANH SÁCH

**Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ nhận
Báo cáo số 62/BC-BTP ngày 14/02/2025 Báo cáo công tác bồi thường nhà
nước năm 2024, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp năm 2025**

I. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

- 17 Bộ: Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Ngoại giao; Bộ Nội vụ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Bộ Công thương; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế.

- 3 cơ quan ngang bộ: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy ban dân tộc; Thanh tra Chính phủ.

- 06 Cơ quan thuộc Chính phủ: Đài Tiếng nói Việt Nam; Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

II. UBND 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

III. Sở Tư pháp 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

(Sở Tư pháp là cơ quan có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương)

IV. Các cơ quan, đơn vị khác:

1. Văn phòng Chính phủ.
2. Văn phòng Quốc hội.
3. Văn phòng Chủ tịch nước.
4. Ủy ban Tư pháp của Quốc hội.
5. Ủy ban Pháp luật của Quốc hội.
6. Tòa án nhân dân tối cao.
7. Viện kiểm sát tối cao.